TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/DS-ST
Ngày 10 – 02 – 2023
V/v tranh chấp hợp đồng hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ng Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Biên Ải

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D tham gia phiên tòa: Bà Ngô Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 472/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Tiêu Minh H; Sinh năm: 1944; Cư trú tại: Ấp T L B, xã T D, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau. (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Trần Như Ng – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau. (có mặt);

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ng Q; Cư trú tại: Khóm 2, thị trấn Đ D, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết, tại phiên tòa nguyên đơn – ông Tiêu Minh H trình bày:*

Ngày 15/8/2016al, ông Q là cháu của ông H, mượn của ông H số tiền 65.000.000 đồng, cam kết mỗi tháng trả 5.000.000 đồng. Khi giao dịch cho

mượn tiền có làm biên nhận, tuy không tính lãi suất nhưng có giao điều kiện nếu như ông Q không thực hiện đúng cam kết trên thì sẽ bắt đầu tính lãi suất đối với số tiền trên.

Ngày 21/10/2016al, ông Q nhờ ông hỏi vay dùm 15.000.000 đồng với lãi suất 10%. Quá trình vay ông Q không trả vốn lãi nên ông đã xuất tiền ra trả dùm cho ông Q là 15.000.000 đồng và số tiền lãi 2.000.000 đồng. Người ông H vay tiền đã thanh toán xong nên không đặt ra yêu cầu giải quyết và ông chỉ yêu cầu trả 15.000.000 đồng chứ không yêu cầu trả số tiền lãi ông đã đóng dùm ông Q.

Thời điểm tháng 09/2019 khi ông kiện ông Q ra Tòa án, ông Q có hứa hẹn khi nào bán đất sẽ trả tiền cho ông nên ông rút lại đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau khi rút đơn, đến năm 2021 ông Q bán được đất cũng không tar nợ cho ông mặc dù ông nhiều lần liên hệ. Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Ng Q trả lại số tiền 80.000.000 đồng, đồng thời không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự buộc ông Q trả lại cho ông H số tiền 80.000.000 đồng.

** Đối với ông Nguyễn Ng Q*:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Q biết về yêu cầu khởi kiện của ông H nhưng ông Q không có ý kiến hay yêu cầu gì và không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự nên không có kiến nghị và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 90 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tiêu Minh H. Buộc ông Nguyễn Ng Q trả cho ông H số tiền 80.000.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Ng Q đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ông H khởi kiện yêu cầu ông Q trả lại số tiền đã cho vay. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự cụ thể hợp đồng hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Năm 2016, ông H cho ông Q vay hai lần với số tiền 80.000.000 đồng, khi giao dịch vay tiền có làm biên nhận (BL 02, 03). Do ông Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên đến năm 2019, ông H khởi kiện ra Tòa án. Tuy nhiên do thỏa thuận với nhau ông Q hứa hẹn trả nợ cho ông H vào thời gian chuyển nhượng đất, nên ông H rút đơn đình chỉ vào ngày 16/9/2019. Sau đó, ông Q chuyển nhượng đất vào năm 2021 và tiếp tục không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ.

Mặt khác, suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Q không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, điều này cho thấy giao dịch phát sinh giữa các bên là có xảy ra, cùng những phân tích nêu trên, ông Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần buộc ông Q trả lại cho ông H số tiền 80.000.000 đồng theo hợp đồng vay của các bên là phù hợp. Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Đối với lãi suất tiền vay: ông H không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4.000.000 đồng (80.000.000 đồng x 5%) tương ứng số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tiêu Minh H.

Buộc ông Nguyễn Ng Q có trách nhiệm trả cho ông Tiêu Minh H số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong đối với tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Ng Q phải chịu 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), (chưa nộp).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ng Trúc